

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/9/2022
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Phạm Thị Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký TAND huyện Thống Nhất.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ánh T**, sinh năm: 1991.

- Bị đơn: Anh **Mai Thanh M**, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: P5/001, ấp NH 1, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, Anh M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phan Thị Ánh T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 28/06/2010 và được UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng thì chị T và anh M đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, anh M thường xuyên say xỉn, đi nhậu về là chửi bới, đánh đập mẹ con chị.

Ngoài ra, anh M đi làm về không đưa lương cho vợ, còn ham mê cờ bạc gây nợ và chị T phải trả nợ cho anh M. Chị T đã tha thứ nhưng 10 năm nay anh M vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng không sống chung nhà với nhau, chị T và con chung đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị T chung sống có ba con chung là cháu Mai Cúc P, sinh ngày: 21/10/2011; cháu Mai Quang H, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Mai Hoàng Tuyết N, sinh ngày 05/3/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Hiện nay, 03 con chung đang ở cùng với chị T tại địa chỉ ấp NH 2, xã Q T, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay chị T làm nghề buôn bán tự do, thu nhập khoảng 30.000.000 đồng một tháng đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phan Thị Ánh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Mai Thanh M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh M và chị T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 28/06/2010 và được UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60.

Trong quá trình chung sống, anh M thừa nhận có đi nhậu nhưng vẫn về nhà. Chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh là người theo đạo công giáo nên không ký hồ sơ ly hôn được. Anh M có làm đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại phiên tòa vì do anh bận công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có ba con chung là cháu Mai Cúc P, sinh ngày: 21/10/2011; cháu Mai Quang H, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Mai Hoàng Tuyết N, sinh ngày 05/3/2018. Khi Tòa án giải quyết ly hôn anh M yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Anh M hiện là công nhân có mức lương là 12.000.000 đ/tháng. Hiện nay, 03 con chung đang sinh sống cùng chị T.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Mai Thanh M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ánh T được ly hôn với anh Mai Thanh M.

+ Về con chung: Giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, không có ý kiến bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại ấp NH 2, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

*** Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh M sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau đã đi đến kết hôn và được UBND xã Gia Tân 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 28/6/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M nhận thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh M đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2022, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Mặc dù sự việc này không được anh M thừa nhận nhưng lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác M tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung. **Theo biên bản xác M ngày 14/4/2022 của UBND xã Quang Trung cho biết: “... hiện nay được biết chị T và anh M không còn sống chung với nhau nữa, nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhưng không báo chính quyền địa phương nên không nắm được”.**

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh M vắng mặt thể hiện anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Hôn nhân của chị T và anh M được xác lập theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và Anh M chung sống có 03 con chung là cháu Mai Cúc P, sinh ngày: 21/10/2011; cháu Mai Quang H, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Mai Hoàng Tuyết N, sinh ngày 05/3/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi 03 con chung, nhận thấy: Hiện 03 con chung đang sống cùng với chị T, nguyện vọng của các con chị T muốn được sống cùng chị và các cháu được chăm sóc ổn định. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của trẻ cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho 03 con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T cũng không yêu cầu nên tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ánh T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ánh T và anh Mai Thanh M được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Mai Cúc P, sinh ngày: 21/10/2011; cháu Mai Quang H, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Mai Hoàng Tuyết N, sinh ngày 05/3/2018 cho chị Phan Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Mai Thanh M được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Mai Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị Ánh T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu **số 0003567 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị T đã nộp đủ án phí.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã **Gia Tân 1 (Số 60/2010);**
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Châu Ngọc Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa